

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DSST

Ngày: 29-4-2020

*V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Ông Nguyễn Hồng Quân;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2020/TLST-DS, ngày 11 tháng 02 năm 2020; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-DS, ngày 11-3-2020 Thông báo về việc dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 18-3-2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự ngày 20/4/2020; giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-02-2020, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà có cho bà Nguyễn Thị L1 vay tổng cộng 03 lần tiền cụ thể từng lần vay được thỏa thuận như sau:

Lần 1: Vào năm 2015 (không nhớ, ngày, tháng), bà cho bà L1 vay bằng 35.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, không quy định thời gian trả lại vốn, bà L1 có nói nếu khi nào bà cần thu hồi lại vốn thì bà L1 trả lại, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng (mỗi tháng tiền lãi bằng 1.750.000 đồng), ngày đóng lãi là ngày 30 âm lịch hàng tháng, đối với khoản vay này bà L1 đã đóng lãi đến ngày 30/11/2018 ÂL thì không đóng lãi nữa cho đến nay.

Lần 2: Vào ngày 20/7/2018 ÂL bà cho bà L1 vay bằng 10.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, không quy định thời gian trả lại vốn, bà L1 có nói nếu khi nào bà cần thu hồi lại vốn thì bà L1 trả lại, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng (mỗi tháng tiền lãi bằng 500.000 đồng), ngày đóng lãi là ngày 20 ÂL hàng tháng, đối với khoản vay này bà L1 đã đóng lãi đến tháng 6 năm 2019 ÂL thì không đóng lãi nữa cho đến nay.

Lần 3: Bà không nhớ ngày, tháng, năm bà cho bà L1 mượn 2.500.000 đồng để bẻ dũa trừ nợ, còn nếu không bán cho bà thì trả lại vốn, nhưng bà L1 không bán dũa cho bà và cũng không trả lại số tiền đã mượn, không có tính lãi.

Tổng cộng bà L1 nợ bà bằng 47.500.000 đồng, do bà L1 không trả nên tháng 6 năm 2019 bà có làm đơn khởi kiện bà L1, bà L1 thừa nhận còn nợ bà bằng 47.500.000 đồng và xin 04 tháng trả 5.000.000 đồng trả đến khi hết nợ, bà L1 có viết giấy thỏa thuận nợ vào ngày 28/8/2019 DL, nên bà đã rút lại đơn khởi kiện, nhưng đến hẹn bà L1 không thực hiện.

Đối với tiền lãi mà bà đã nhận ở 02 lần vay trên, bà không đồng ý tính lại. Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 trả cho bà tiền vay còn nợ bằng 47.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 28/8/2019 DL cho đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 0,83%/tháng, tiền vay này bà chỉ yêu cầu cá nhân bà L1 trả.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà có nợ của bà Nguyễn Thị L tổng cộng 03 lần tiền cụ thể từng lần như sau:

Lần 1: Vào năm 2015 (không nhớ ngày, tháng), bà có vay của bà L bằng 35.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, không có làm biên nhận, mỗi tháng bà đóng lãi bằng 1.750.000 đồng, tiền lãi bà đóng hàng tháng cho đến ngày 30-11-2018 ÂL thì không đóng lãi nữa cho đến nay.

Lần 2: Ngày 20-7-2018 ÂL, bà vay tiếp của bà L bằng 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, không có làm biên nhận, mỗi tháng bà đóng lãi bằng 500.000 đồng, tiền lãi bà đóng hàng tháng cho đến tháng 6/2019 thì không đóng lãi tiếp cho đến nay.

Lần 3: Bà không nhớ ngày, tháng, năm, bà có mượn của bà L 2.500.000 đồng để bẻ dũa trừ nợ, do bà L không có bẻ dũa, nên số tiền này bà còn nợ lại cho đến nay, số tiền này không có tính lãi.

Tổng cộng bà còn nợ bà L tiền vốn bằng 47.500.000 đồng và đồng ý trả yêu cầu không tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có cung cấp cho Tòa án: - 01 (một) bản chính đơn khởi kiện ngày 07-02-2020; 01 giấy thỏa thuận nợ ngày 28/8/2019 (Bản sao); 01 sổ hộ khẩu gia đình tên Lan và 01 chứng minh nhân dân tên Lan (photo); Bị đơn bà L1 không có cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Bà Nguyễn Thị L1 đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị L tiền vốn vay bằng 47.500.000 đồng.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu tính lãi từ ngày 28/8/2019 DL cho đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 0,83%/tháng; Bà Nguyễn Thị L1 không đồng ý trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung*: Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị L1 có lời khai thống nhất xác định bà L1 còn nợ bà L tiền vốn vay bằng 47.500.000 đồng và đồng ý trả. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về yêu cầu tính lãi suất: Bà L khởi kiện yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 28/8/2019 DL cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn bà L1 không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà L.

Xét thấy, tại giấy thỏa thuận nợ được xác lập vào ngày 28/8/2019 giữa bà L và bà L1 là hợp đồng vay tài sản và có thỏa thuận về thời hạn trả nợ bà L1 xin 04 tháng trả bằng 5.000.000 đồng tiền vốn trả đến khi nào hết số tiền 47.500.000 đồng và có thỏa thuận trả vốn chứ không trả lãi. Do bà L1 không thực hiện nghĩa vụ nên buộc bà L1 phải trả tiền lãi trên số tiền vốn là có căn cứ. Về mức lãi suất bà L yêu cầu bằng 0,83%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 28/8/2019 DL đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/4/2020 là 08 tháng 01 ngày là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể tiền lãi được tính như sau: 47.500.000 đồng x 8 tháng 01 ngày x 0,83%/tháng bằng 3.167.141 đồng.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L1 trả cho bà Nguyễn Thị L tổng cộng bằng 50.667.141 đồng (trong đó vốn gốc bằng 47.500.000 đồng, tiền lãi bằng 3.167.141 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. **Về án phí:** Buộc bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 2.533.357 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí. Do Nguyễn Thị L là người cao tuổi được quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

4. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bé - Nguyễn Hồng Quân

Dương Thị Mỹ Châm